TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 273/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 1, ngày 06 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55;Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:244/2019/TLST-HNGĐ ngày 03tháng 6 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương Võ T, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số 12 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Số 78 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn yêu cầu đề ngày 29/5/2019, ông T, bà H cùng yêu cầu Tòa án giải quyết việc thuận tình ly hôn. Ông T, bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013, quyển số 01 ngày 30/3/2013, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà H là hợp pháp.Theo ông T, bà Hcùng trình bày: Qúa trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, không cùng quan điểm sống.Nay nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:Ông T, bà H thỏa thuận giao con chung tên Trương Hồng L (giới tính nữ), sinh ngày 29/10/2013 cho bà Hồ Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 29 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án nhân dân Quận 1 lập biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Võ T và bà Hồ Thị Ngọc H thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013, quyển số 01 do Uỷ ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/3/2013).

- Về con chung: Ông T, bà H thỏa thuận giao con chung tên Trương Hồng L (giới tính nữ), sinh ngày 29/10/2013 cho bà Hồ Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trương Võ T và bà Hồ Thị Ngọc H xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phíTòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Trương Võ T và bà Hồ Thị Ngọc H mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2018/0007571 ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương Võ T và bà Hồ Thị Ngọc H đã nộp đủ.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND phường Y, Quận Z;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh